

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 08 tháng 8 năm 2022

V/v: *Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
chị Vũ Thị H và anh Bàn Xuân T*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bàn Văn Thế.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vượng.

Ông Nguyễn Văn Quang.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hồng Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 08/8/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/QĐST-DS, ngày 22/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H huyện S, tỉnh T. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Bàn Xuân T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn Đ1, xã H1, huyện S, tỉnh T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị (Vũ Thị H) và anh Bàn Xuân T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn ngày 15/01/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện S, tỉnh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại thôn Đ, xã S, huyện S, tỉnh T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống

hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt. Đến tháng 5/2021 chị về về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ1, xã H sinh sống, kể từ đó đến nay vợ chồng chị sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Nay mâu thuẫn thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Xuân T.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Bàn Xuân T đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng anh T đều không có mặt. Qua xác minh tại địa pH thì hiện nay anh T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Đồng Diễn, xã Hợp T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Theo trình bày của bà Vũ Thị N, sinh năm 1958 (là mẹ đẻ của anh T) thì các văn bản Tòa án gửi về gia đình đều nhận được, anh T có biết việc chị H làm đơn xin ly hôn. Về quan hệ hôn nhân anh T và chị H có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa pH, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị H T sống tại thôn Đồng Diễn, xã Hợp T, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến năm 5/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị H bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống đến nay. Cũng từ đó đến nay chị H và anh T sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau. Về con chung, tài sản, vay nợ chung anh chị H T không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn không có mặt để tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nhưng không có lý do chính đáng, nên đề nghị giải quyết theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Vũ Thị H và anh Bàn Xuân T ly hôn.

Chị Vũ Thị H phải chịu án phí theo quy định, anh Bàn Xuân T không phải nộp án phí; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Anh Bàn Xuân T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn Đồng Diễn, xã Hợp T, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gửi các văn bản tố tụng nhưng anh T không đến Tòa để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh T cũng không có ý kiến gì với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây được coi là trường hợp người bị kiện cố tình trốn tránh nghĩa vụ, nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Bàn Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Nhưng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sinh hoạt. Từ tháng 5/2021 đến nay anh chị sống ly thân, cả hai bên đều không có biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng, nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị Vũ Thị H và anh Bàn Xuân T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Vũ Thị H và anh Bàn Xuân T ly hôn.

[3] Về con chung: Không có nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị H phải nộp án phí; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Vũ Thị H ly hôn với anh Bàn Xuân T.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0002020, ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Bàn Xuân T không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã H1 (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bàn Văn Thế

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Vượng – Nguyễn Văn Quang

Bàn Văn Thế